CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Nam Mê Kông

Ngày 30/06/2025	28,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	11.2%	**12.8%**	**10.4%**

DT thuần
Q2/25
308
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 201| 187%
YoY: ▲ 19.0| 6.4%

LN thuần
Q2/25
91.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 80.9| 764%
YoY: ▲ 23.0| 33.6%

LN sau thuế
Q2/25
72.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 66.3| 1013%
YoY: ▲ 36.0| 97.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
29.8%
YoY: +/-▲ 21.6%

ROE (TTM)
Q2/25
6.9%
YoY: +/-▲ 2.3%

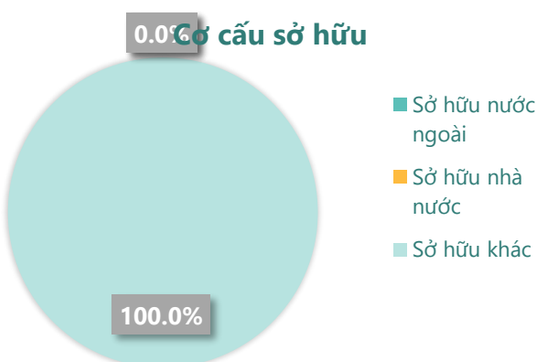
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	23,851 - 27,292
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,529
Số lượng CPLH (CP)	125,150,939
KLGD BQ 20 phiên (CP)	685,040
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.45
EPS	789
P/E	35.7

DT thuần
6T 2025
414
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0| 11.3%

LN thuần
6T 2025
102
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.6| 24.1%

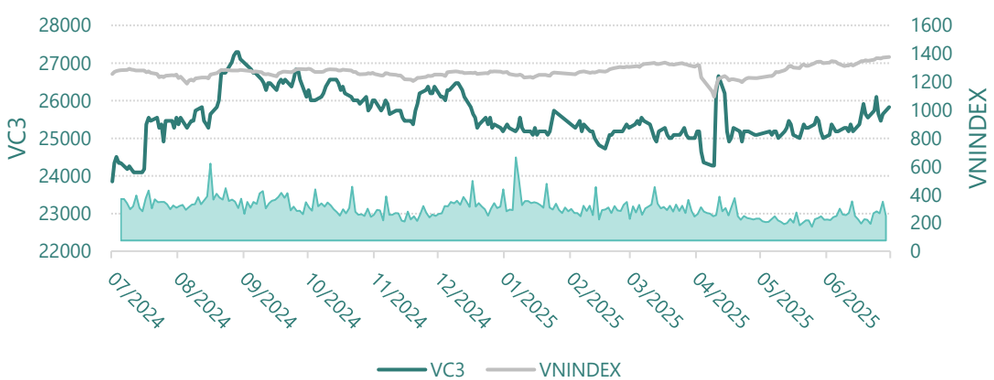
LN sau thuế
6T 2025
79.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.4| 72.6%

Cơ cấu sở hữu

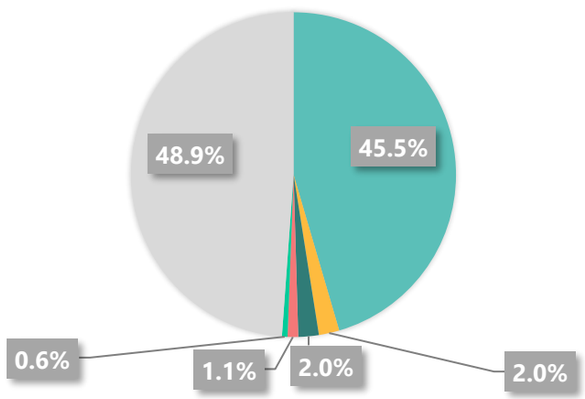


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



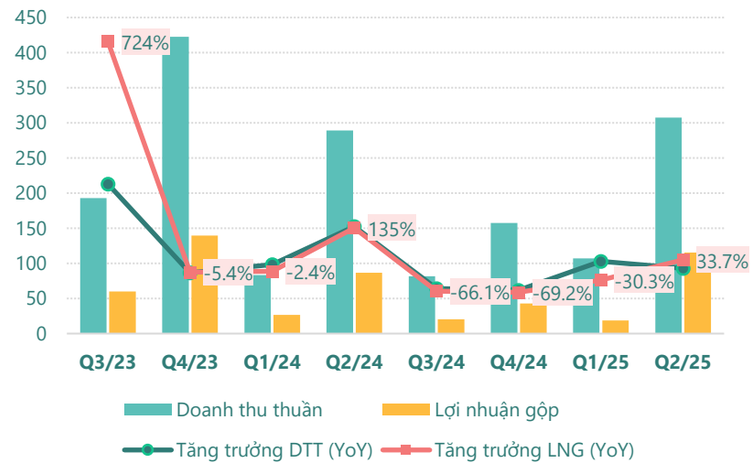
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

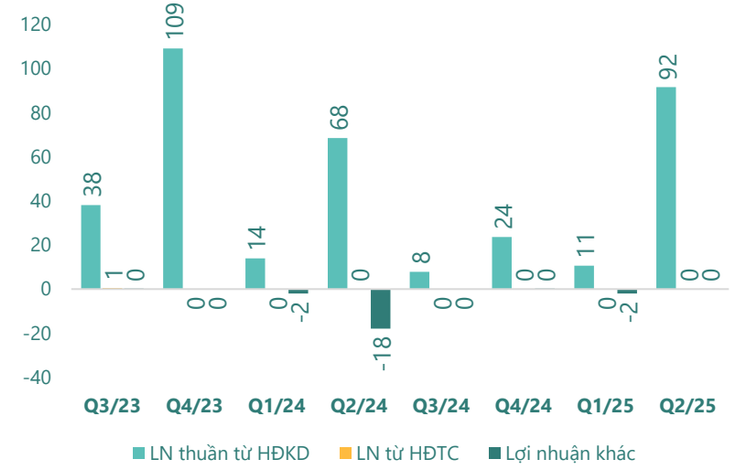
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



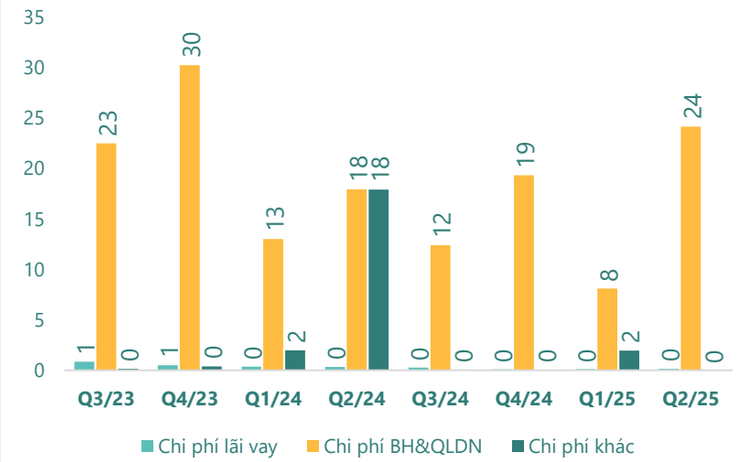
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



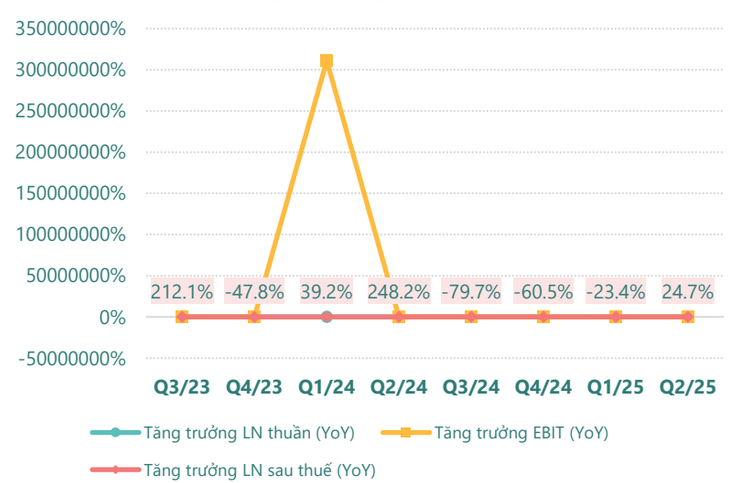
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



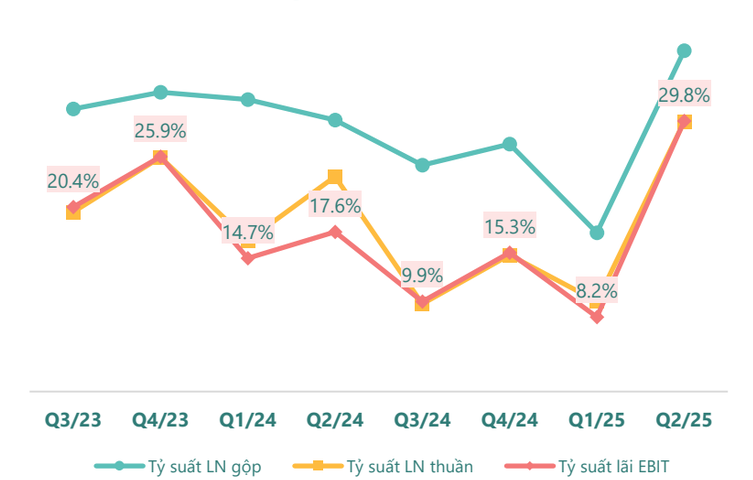
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



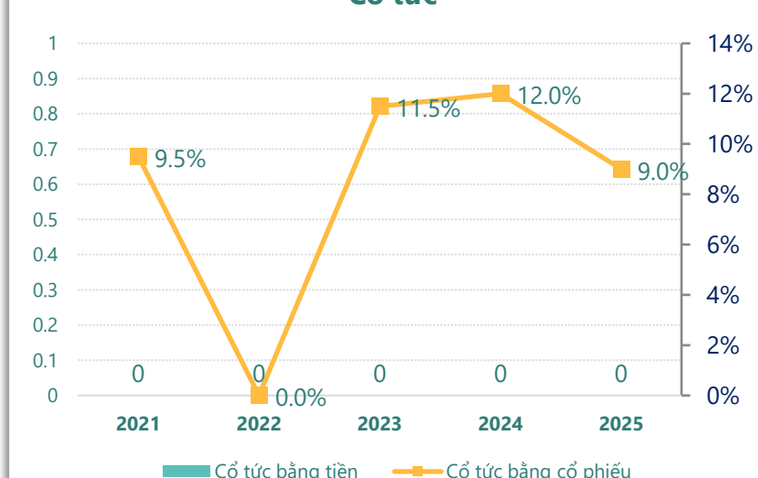
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

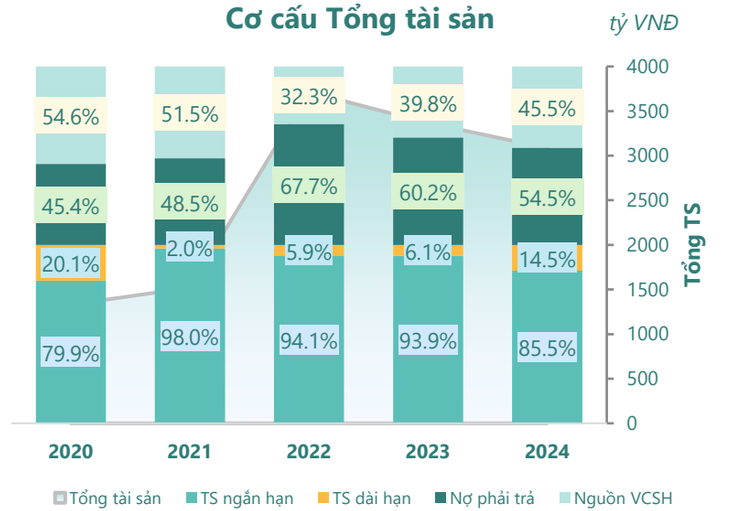
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

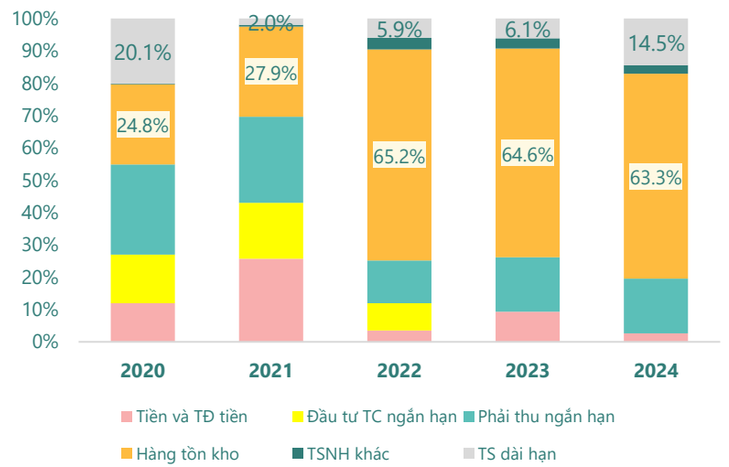
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



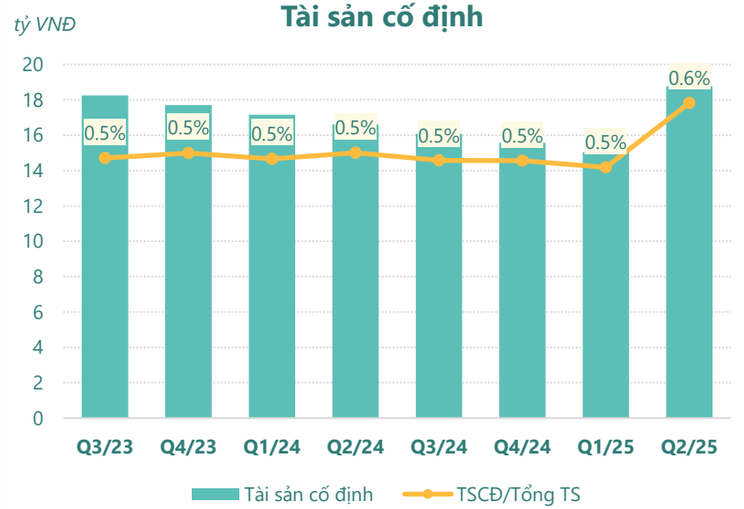
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



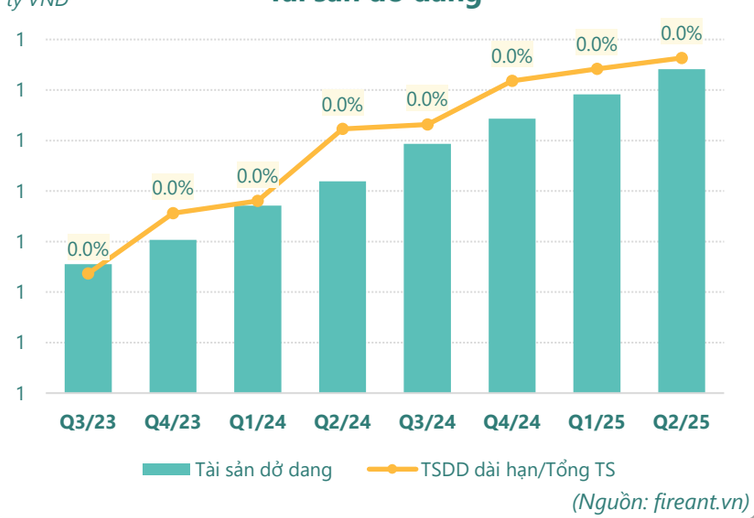
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



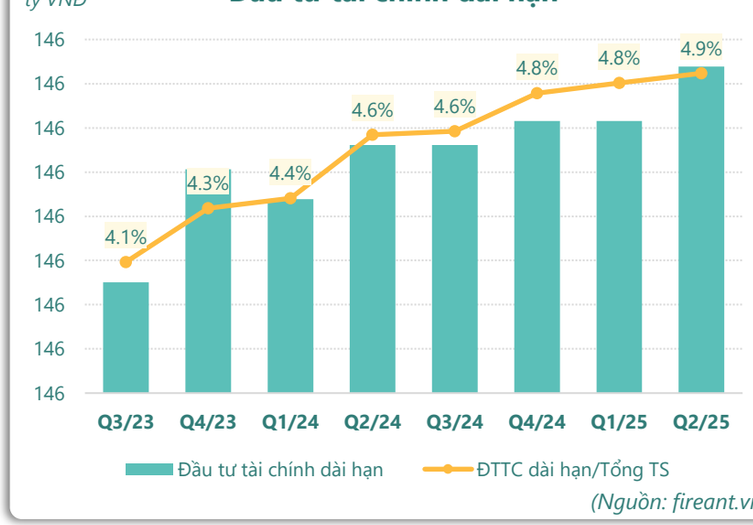
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



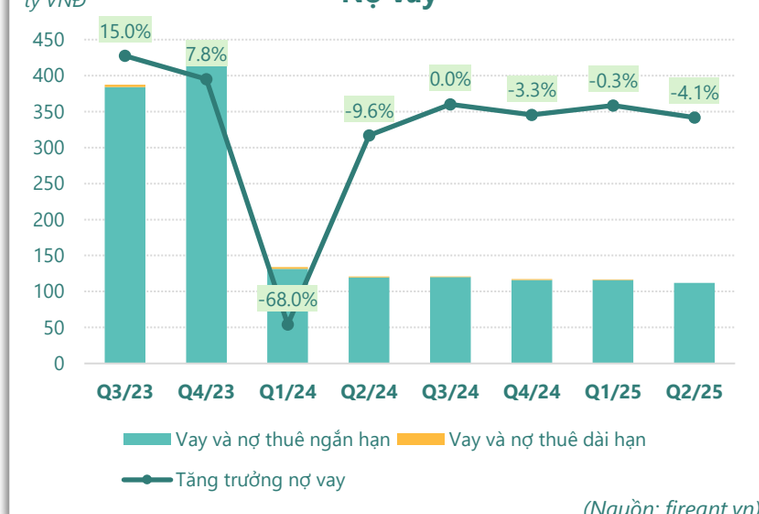
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

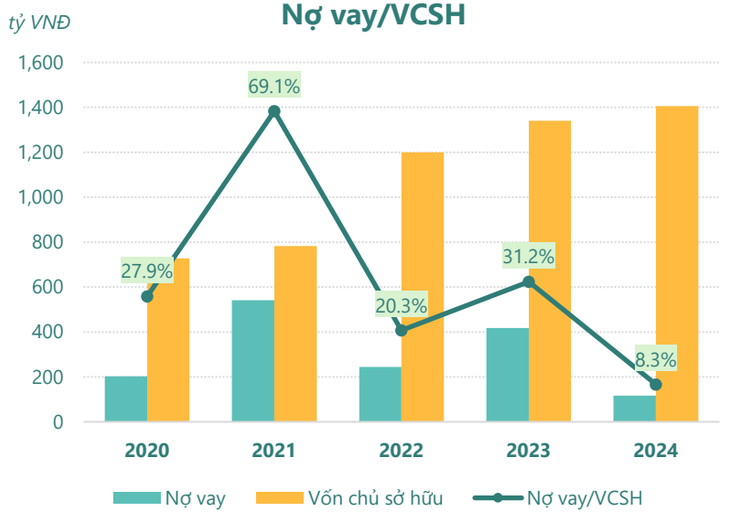
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

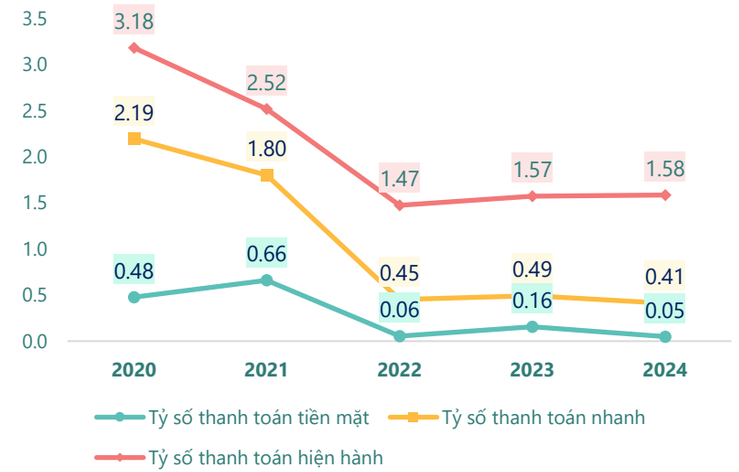
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



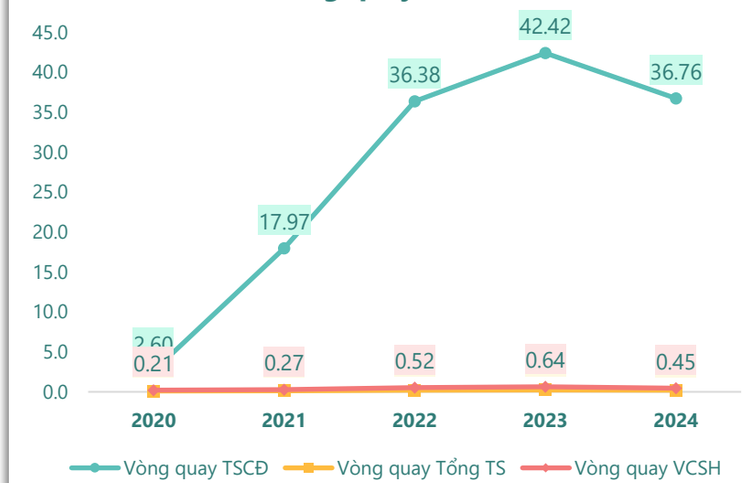
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



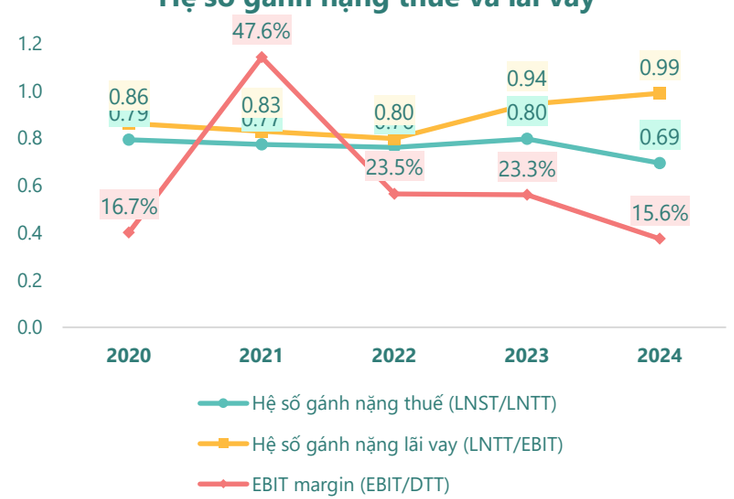
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



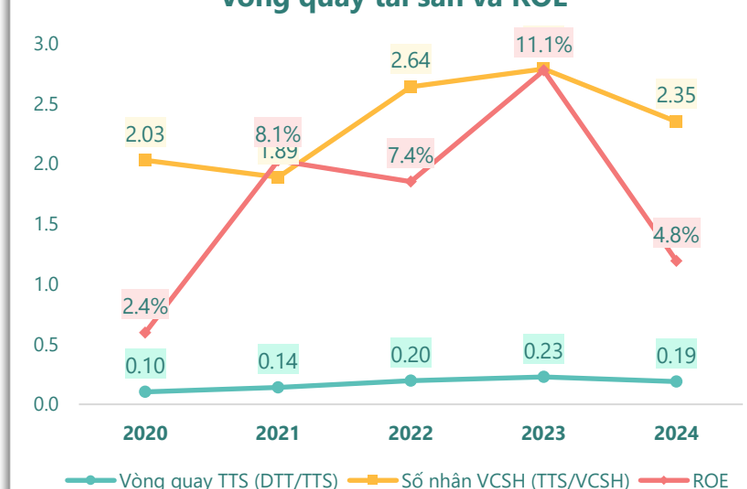
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



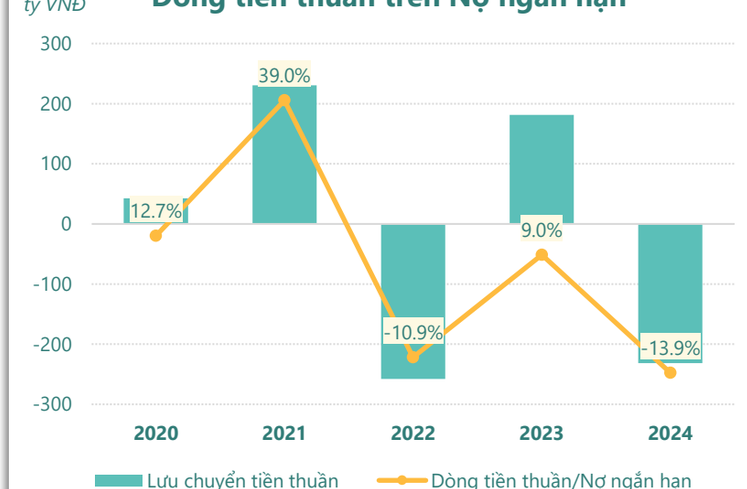
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**308**	**289**	**6.4%**	**414**	**372**	**11.3%**
Giá vốn hàng bán	192	203	-5.4%	280	259	8.1%
Lợi nhuận gộp	116	86.5	33.6%	134	113	18.6%
Doanh thu HĐTC	0.32	0.37	-14.8%	0.38	0.68	-44.4%
Chi phí TC	0.16	0.31	-49.4%	0.26	0.65	-59.6%
Chi phí lãi vay	0.16	0.31	-49.4%	0.26	0.65	-59.6%
LN trong công ty LKLD	**-0.04**	**-0.06**	**36.3%**	**0.03**	**0.03**	**12.4%**
Chi phí bán hàng	14.6	9.56	53.0%	16.5	14.2	16.2%
Chi phí QLDN	**9.53**	**8.40**	**13.5%**	**15.7**	**16.8**	**-6.0%**
LN thuần từ HĐKD	91.5	68.5	33.6%	102	82.4	24.1%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**-17.9**	**100%**	**-1.92**	**-19.9**	**90.4%**
LN trước thuế	91.6	50.6	81.0%	100	62.5	60.4%
Lợi nhuận sau thuế	**72.8**	**36.8**	**97.8%**	**79.3**	**45.9**	**72.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**72.8**	**36.8**	**97.7%**	**79.3**	**45.9**	**72.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	40.8	189	-163	133	-44.0	188
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.28	0.44	-0.09	-132	0.07	-4.28
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-293	-3.55	0.05	-3.94	-0.40	-4.74
Tiền đầu kỳ	313	61.5	248	84.9	82.0	37.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-252**	**186**	**-163**	**-2.90**	**-44.3**	**179**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	61.5	248	84.9	82.0	37.7	217

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,007**	**3,087**	**-2.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,480	2,641	-6.1%
Tiền và tương đương tiền	217	82.0	164%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	444	522	-14.9%
Hàng tồn kho	1,753	1,955	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	66.0	81.4	-18.9%
Tài sản dài hạn	**527**	**446**	**18.1%**
Phải thu dài hạn	268	268	0.0%
Tài sản cố định	18.8	15.6	20.6%
Bất động sản đầu tư	11.1	12.3	-9.8%
Tài sản dở dang	0.71	0.71	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	146	146	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**82.0**	**3.25**	**2423%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,520	1,681	-9.6%
Nợ ngắn hạn	**1,509**	**1,667**	**-9.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	116	-3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	382	414	-7.7%
Nợ dài hạn	11.1	13.6	-18.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.84	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,487**	**1,406**	**5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**1,487**	**1,406**	**5.8%**
Vốn điều lệ	1,252	1,252	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)